TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 103/QĐST-HNGĐ	*Đồng Hỷ, ngày 26 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 120/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh D** - sinh năm 1988
- **Bị đơn: Chị Đoàn Thị T –** sinh năm 1991

HKTT: Xóm P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh D và chị Đoàn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Thanh D và chị Đoàn Thị T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Anh D và chị T có 01 con chung là Nguyễn Vũ P, sinh ngày 11/11/2013. Các đương sự thống nhất: Anh D trực tiếp nuôi con chung, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8/2019. Trường hợp chị T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng thì các đương sự tự thỏa thuận về việc tính lãi suất. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh D có đơn yêu cầu thi hành, nếu chị T chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh D tự nguyện nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016345 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Khe Mo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị An